

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial No): 1C24TKC

Số (Invoice No): 98

Ngày (date) 26 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Mã QGT: 0035F3B61246E44EF489D32905A64C9EF7

Đơn vị bán hàng (Seller): TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ KHOÁNG CHẤT

Mã số thuế (Tax Code): 0100763608

Địa chỉ (Address): Phòng B1-2 Tầng 1 nhà B Đại học Mở Địa Chất, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02437523043

Email: tttcnkc1996@gmail.com

Website:

Số tài khoản (A/C No):

Tại (At):

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN AN THÔNG

Mã số thuế (Tax code): 5100232444

Địa chỉ (Address): Số 415, đường Trần Phú, Phường Trần Phú, Thành Phố Hà Giang, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Khối lượng thực hiện theo Hợp đồng kinh tế số 05/2021/HĐ-KSAT ký ngày 21/01/2021 và các Phụ lục số 01/PLHĐ/2021/HĐ-KSAT ký ngày 21/01/2021; số 02/PLHĐ/2024/HĐ-KSAT ký ngày 24/12/2024				175.555.556
Cộng tiền hàng (Subtotal):					175.555.556
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 14.044.444
Tổng cộng tiền thanh toán (Amount total):					189.600.000

Số tiền viết bằng chữ (In words): Một trăm tám mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng.

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature & fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature & fullname)

Signature Valid

Ký bởi: TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG
NGHỆ KHOÁNG CHẤT
Ký ngày: 26/12/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 05 /2021/HĐ-KSAT

**“Về việc lập Thiết kế kỹ thuật thi công điều chỉnh khai thác mỏ quặng sắt Sàng
Thần thuộc xã Minh Sơn, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang”**

I/ Căn cứ để ký hợp đồng:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc Hội khoá XIII, kỳ họp thứ 7;
- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định 32/2015/NĐ-CP ngày 25/03/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;
- Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ Công Thương quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản;
- Các văn bản khác theo quy định hiện hành của Nhà nước;
- Nhu cầu và năng lực thực tế của các bên.

Hôm nay, ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản An Thông chúng tôi gồm các bên dưới đây:

II/ Các bên ký hợp đồng

1. Bên Giao thầu (gọi tắt là bên A): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN AN THÔNG

Đại diện: Ông: **Phạm Quốc Vinh** Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 415, đường Trần Phú, phường Trần Phú, Tp Hà Giang.

Điện thoại: 02193.864.898 Fax: 02193.864.899

Tài khoản số: 34510000008919 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Giang.

Mã số thuế: 5100232444.

2. Bên nhận thầu (gọi tắt là Bên B): TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ KHOÁNG CHẤT – TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

- Đại diện là ông: **Lê Tiến Dũng** Chức vụ: Giám đốc.

- Địa chỉ: Tầng 1, Nhà B, Trường Đại học Mở - Địa chất, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội.

- Điện thoại: 02437523043 Fax: 02437523043

- Tài khoản số: 3100211000523 tại Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT (Agribank), chi nhánh Từ Liêm - thành phố Hà Nội.

- MST: 0100763608.

HAI BÊN THỐNG NHẤT KÝ KẾT HỢP ĐỒNG TƯ VẤN VỚI CÁC NỘI DUNG SAU

Điều 1. Nội dung công việc thực hiện

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện công việc sau:

1.1. Lập Thiết kế mỏ (Thiết kế kỹ thuật thi công) điều chỉnh mỏ quặng sắt Sàng Thần thuộc xã Minh Sơn, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang theo Giấy phép số 871/GP-BTNMT ngày 08/5/2009 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp theo đúng quy định Pháp luật hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

1.2. Chịu trách nhiệm thực hiện đến kết quả cuối cùng sản phẩm Thiết kế mỏ do Bên B thực hiện tại **mục 1.1. Điều 1** của hợp đồng được cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định cho ý kiến thông qua và được phê duyệt.

Điều 2. Chất lượng và các yêu cầu công việc

Chất lượng công việc do Bên B thực hiện phải đáp ứng được yêu cầu của Bên A, phải tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước và các quy trình quy phạm chuyên ngành có liên quan.

Điều 3. Thời gian, tiến độ thực hiện, bàn giao sản phẩm

3.1. Thời gian thực hiện các nội dung công việc tại **Điều 1** của hợp đồng:

Bên B bảo đảm hoàn thành sản phẩm theo nội dung **Điều 1** của hợp đồng trong thời gian 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tiền tạm ứng đợt 1 và nhận được đầy đủ tài liệu cơ sở từ Bên A cung cấp theo danh mục Bên B yêu cầu ngay sau khi hợp đồng được ký.

Thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm tra, thẩm định, lấy ý kiến của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến Thiết kế và phê duyệt của các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

3.2. Tiến độ thực hiện hợp đồng có thể được điều chỉnh trong các trường hợp:

- Thủ tục quản lý, khai thác khoáng sản thay đổi do Nhà nước ban hành các văn bản mới, chính sách mới ảnh hưởng đến tiến độ của công việc do Bên B thực hiện.
- Các phần công việc do Bên A không thực hiện hoặc thay đổi hoặc không đáp ứng yêu cầu làm ảnh hưởng đến tiến độ công việc của Bên B.
- Phát sinh khối lượng công việc ngoài phạm vi hợp đồng;
- Khi có sự thay đổi về tiến độ thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ chủ động bàn bạc, trao đổi và thoả thuận bằng văn bản việc điều chỉnh tiến độ cho phù hợp.

3.3. Bàn giao sản phẩm:

- Sản phẩm ghi bằng tiếng Việt.
- Số lượng sản phẩm:

+ 03 bộ bản giấy (bản cứng) Thiết kế mỏ (bao gồm thuyết minh và bản vẽ) để phối hợp với Bên A nộp báo cáo lên cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định cho ý kiến.

+ 03 bộ bản giấy (bản cứng) Thiết kế mỏ (bao gồm thuyết minh và bản vẽ) đã chỉnh sửa theo ý kiến của cơ quan chức năng có thẩm quyền, đã được thẩm định và phê duyệt.

+ File số (phần mềm) ghi lại Thiết kế mỏ (bao gồm thuyết minh và bản vẽ) đã được thẩm định và phê duyệt.

+ Thông báo kết quả thẩm định (hoặc ý kiến thẩm định) của Sở Công thương tỉnh Hà Giang.

- Khi giao, nhận bàn giao sản phẩm hoàn thành thì 2 bên lập biên bản giao nhận.

- Địa điểm giao nhận: Tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản An Thông.

Điều 4. Giá trị hợp đồng

4.1. Giá trị giao khoán hợp đồng (có phụ lục chi tiết kèm theo) đã bao gồm 10% thuế VAT: **316.000.000 VNĐ**

(Bằng chữ: Ba trăm mười sáu triệu đồng)

Giá trị giao khoán trên đã bao gồm chi phí kỹ thuật lập thiết kế, các chi phí liên quan đến thẩm tra, lấy ý kiến các cơ quan liên quan và chi phí thẩm định tại Sở Công thương tỉnh Hà Giang.

4.2. Giá trị trên có thể được điều chỉnh trong các trường hợp:

- Bổ sung, điều chỉnh khối lượng thực hiện công việc hợp đồng.

- Trường hợp bất khả kháng hoặc các nguyên nhân khách quan làm thay đổi nội dung công việc tại **Điều 1** của hợp đồng: Các bên tham gia hợp đồng thương thảo để xác định giá trị hợp đồng phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 5. Tạm ứng và thanh toán hợp đồng

5.1. Tiến độ tạm ứng, thanh toán:

- Đợt 1: Trong vòng 07 ngày kể từ khi hợp đồng được ký kết, Bên A chuyển tạm ứng cho Bên B 30% giá trị Hợp đồng, tương ứng là **94.800.000 đồng** (Chín mươi tư triệu, tám trăm nghìn đồng).

Hồ sơ đề nghị tạm ứng: Công văn đề nghị tạm ứng của Bên B.

- Đợt 2: Bên B bàn giao đủ hồ sơ Thiết kế mỏ cho Bên A để Bên A trình xin ý kiến thẩm định tại cơ quan chức năng có thẩm quyền. Bên A chuyển tạm ứng tiếp cho Bên B 30% giá trị Hợp đồng, tương ứng là **94.800.000 đồng** (Chín mươi tư triệu, tám trăm nghìn đồng).

Hồ sơ đề nghị tạm ứng:

+ Văn bản đề nghị tạm ứng của bên B.

+ Phiếu tiếp nhận hồ sơ của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Đợt 3: Sau khi có Thông báo kết quả thẩm định (hoặc ý kiến thẩm định) của Sở Công thương tỉnh Hà Giang, Bên B chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến thẩm định, hoàn thành các công việc theo hợp đồng, Thiết kế mỏ đã được thẩm định và phê duyệt, Bên B bàn giao sản phẩm hợp đồng theo quy định tại **Điều 3 (mục 3.3.)** của hợp đồng cho Bên A thì tiếp tục tiến hành các công việc sau:

+ Hai bên lập Biên bản nghiệm thu (nơi nghiệm thu là văn phòng Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản An Thông) và thanh lý hợp đồng;

+ Bên B viết hóa đơn VAT hợp lệ theo quy định của Bộ Tài chính giá trị thanh lý của hợp đồng chuyển trả cho Bên A;

+ Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hóa đơn VAT của Bên B nêu ở trên, Bên A chuyển số tiền còn lại cho bên B là 40% giá trị hợp đồng, tương ứng là **126.400.000 đồng** (Một trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng).

5.2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

5.3. Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

Điều 6. Quyền và trách nhiệm, nghĩa vụ của Bên A

Căn cứ các quy định của pháp luật, yêu cầu về công việc của các bên giao nhận thầu, hai bên thoả thuận về quyền và nghĩa vụ của Bên A.

6.1. Quyền hạn:

- Đình chỉ thực hiện hoặc chấm dứt toàn bộ hoặc một phần của hợp đồng với Bên B khi kiểm tra phát hiện hồ sơ tư vấn không đảm bảo chất lượng về kinh tế, kỹ thuật theo các quy định hiện hành hoặc tiến độ không đáp ứng được như đã cam kết;

- Không thanh toán phần việc do Bên B làm không đảm bảo chất lượng hoặc không đủ nội dung, số lượng theo yêu cầu;

- Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

6.2. Trách nhiệm, nghĩa vụ:

- Cung cấp đầy đủ tài liệu cơ sở cho Bên B theo danh mục yêu cầu cung cấp tài liệu cơ sở do Bên B lập và gửi đến để Bên B thực hiện nội dung hợp đồng.

- Thanh toán cho Bên B đúng thời hạn đã ghi trong hợp đồng, tạo điều kiện thuận lợi làm các thủ tục hành chính và hỗ trợ Bên B đi khảo sát thực địa và thu thập tài liệu cơ sở khác trong điều kiện và khả năng của mình;

- Cử cán bộ thường xuyên phối hợp cùng với Bên B giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng;

- Tham gia các buổi họp theo yêu cầu công việc;

- Tiếp nhận, nghiệm thu và lưu trữ hồ sơ tư vấn do Bên B lập;

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 7. Quyền và trách nhiệm, nghĩa vụ của Bên B

Căn cứ các quy định của pháp luật, yêu cầu về công việc của các bên, hai bên thoả thuận về quyền và nghĩa vụ của Bên B:

7.1. Quyền hạn:

- Từ chối thực hiện các yêu cầu ngoài nội dung công việc tại **Điều 1** của hợp đồng;

- Yêu cầu Bên A cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ thực hiện hợp đồng;

- Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

7.2. Trách nhiệm, nghĩa vụ:

- Ngay sau khi hợp đồng được ký kết, trong vòng 1 ngày, lập danh mục yêu cầu cung cấp tài liệu cơ sở gửi cho Bên A để Bên A cung cấp tài liệu cơ sở cho Bên B (theo nội dung **mục 3.1. Điều 3** và **mục 6.2. Điều 6** của hợp đồng) để Bên B thực hiện nội dung hợp đồng.

- Triển khai công việc theo đúng quy trình, quy phạm hiện hành và các yêu cầu đề ra của Bên A và của các cấp có thẩm quyền. Bên B cùng với bên A nộp hồ sơ vào các cấp có thẩm quyền.

- Chịu trách nhiệm bảo vệ nội dung các báo cáo do Bên B lập trước các hội đồng thẩm định phê duyệt theo quy định nhà nước. Chịu trách nhiệm toàn bộ về mặt kỹ thuật, chuyên môn, chất lượng sản phẩm trước Pháp luật theo quy định hiện hành.

- Có trách nhiệm chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định có ý kiến đối với hồ sơ xin ý kiến và thẩm định. Trong trường hợp bên B không có khả năng sửa chữa, hoặc chất lượng tài liệu không đảm bảo Quy phạm hiện hành thì bên B phải có trách nhiệm hoàn lại toàn bộ số tiền do bên B đã tạm ứng của bên A;

- In ấn hồ sơ, bản vẽ theo quy định trong hợp đồng và quy định của Nhà nước.

- Thực hiện đầy đủ những nội dung công việc theo đúng tiến độ đã nêu trong hợp đồng.

- Xuất hóa đơn tài chính (VAT) cho bên A khi thực hiện thanh toán.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 8. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

8.1. Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.

8.2. Trong trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp thông qua hoà giải, Trọng tài hoặc Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 9. Bất khả kháng

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách của nhà nước Việt Nam.

Điều 10. Tạm dừng, huỷ bỏ hợp đồng

10.1. Tạm dừng thực hiện hợp đồng:

10.1.1. Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Do lỗi của Bên A hoặc Bên B gây ra.

- Các trường hợp bất khả kháng.

- Các trường hợp khác do hai bên thỏa thuận.

10.1.2 Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng từ vẫn đã ký kết; trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

10.1.3. Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thỏa thuận để khắc phục.

10.2. Huỷ bỏ hợp đồng:

10.2.1. Một bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện huỷ bỏ mà các bên đã thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.

10.2.2. Bên huỷ bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc huỷ bỏ hợp đồng; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên huỷ bỏ hợp đồng phải bồi thường.

10.2.3. Khi hợp đồng bị huỷ bỏ thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị huỷ bỏ và các bên phải thỏa thuận hoàn tất các điều khoản huỷ bỏ Thanh lý hợp đồng.

Điều 11. Bồi thường thiệt hại và phạt do chậm tiến độ thực hiện theo hợp đồng

11.1. Bồi thường thiệt hại:

Bên B phải bồi thường cho Bên A những thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc phát sinh do sản phẩm hợp đồng không đảm bảo yêu cầu như đã cam kết; bồi thường những hư hỏng mất mát với các thiết bị do Bên A cung cấp trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

11.2. Phạt do chậm tiến độ hợp đồng:

- Đối với Bên B: Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 9 của Hợp đồng này, nếu Bên B chậm tiến độ thực hiện theo hợp đồng đã ký thì bên B phải chịu phạt chậm tiến độ cho mỗi ngày là 0,2% giá trị hợp đồng và không được chậm số ngày quá 10% giá trị hợp đồng. Nếu số ngày chậm tiến độ vượt quá số tiền phạt tương ứng với 10% giá trị hợp đồng thì bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và bên B phải hoàn trả lại tất cả số tiền đã tạm ứng của bên A.

Điều 12. Ngôn ngữ sử dụng

Ngôn ngữ của hợp đồng bằng tiếng Việt.

Điều 13. Điều khoản chung

13.1. Những thay đổi bổ sung của mỗi bên phải được thể hiện bằng văn bản và phải được hai bên thống nhất bằng các phụ lục của hợp đồng và các phụ lục này sẽ trở thành một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng.

13.2. Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của nhà nước về bảo mật.

13.3. Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận ghi tại hợp đồng.

13.4. Hợp đồng này gồm 06 trang và được lập thành 08 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 04 bản.

13.5. Hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
KHOÁNG SẢN AN THÔNG



GIÁM ĐỐC

Phạm Quốc Vinh

ĐẠI DIỆN BÊN B
TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG
NGHỆ KHOÁNG CHẤT

Lê Tiến Dũng

Phụ lục số 01/PLPHĐ/2021/HĐ-KSAT kèm theo hợp đồng số 05 /2021/HĐ-KSAT ngày 21 tháng 01 năm 2021
giữa Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản An Thông và Trung tâm triển khai công nghệ khoáng chất - Trường Đại Học Mở - Địa chất

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ

Về việc: Lập thiết kế kỹ thuật thi công điều chỉnh khai thác mỏ sắt Sàng Thần
xã Minh Sơn, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang

Đơn vị tiền tệ được sử dụng: VNĐ

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	ĐƠN GIÁ ÁP DỤNG
I	CHI PHÍ KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG MỎ PHỤC VỤ LẬP THIẾT KẾ BÁN VẼ THI CÔNG				22.468.224	
1	Chi phí thuê nhà nghỉ + ăn uống phục vụ công tác khảo sát (3 người x 4 ngày x 2 đợt)	ca xe	2	5.000.000	10.000.000	
2	Chi phí khảo sát, thu thập hồ sơ tài liệu, số liệu của dự án: 3 kỹ sư bậc 4/8, khảo sát trong 4 ngày. Tổng công: 3 x 4 = 12 công	ngày	8	1.000.000	8.000.000	
3		công	12	372.352	4.468.224	
II	LẬP THIẾT KẾ BÁN VẼ THI CÔNG XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ KHAI THÁC MỎ				253.799.296	
I	Lập các chuyên đề thuyết minh				180.000.000	
1.1	Xây dựng chuyên đề về tổng hợp về các văn bản pháp lý liên quan đến dự án, các tài liệu cơ sở liên quan tới dự án, báo cáo tổng hợp hiện trạng khai thác mỏ và tóm tắt các nội dung của thiết kế cơ sở đã được lập	chuyên đề	1	9.000.000	9.000.000	
1.2	Xây dựng chuyên đề về tài nguyên, biên giới và trữ lượng khai trường: Tổng hợp các thông tin về đặc điểm địa chất mỏ, địa chất thủy văn, địa chất công trình, chất lượng khoáng sản từ kết quả khảo sát, thăm dò. Tính toán xác định biên giới khai trường như kích thước, diện tích, cốt cao đáy mỏ. Kiểm tra hay tính toán lại trữ lượng khai trường theo hiện trạng khai thác mỏ, trên cơ sở biên giới khai trường được xác định	chuyên đề	1	9.000.000	9.000.000	
1.3	Xây dựng các chuyên đề về Chế độ làm việc, công suất, tuổi thọ mỏ: Phân tích, xây dựng chế độ làm việc hợp lý của các khâu sản xuất: Khai thác mỏ, chế biến khoáng sản, phục vụ, quản lý hành chính... Tính toán xác định công suất khai thác mỏ trên cơ sở cấp nhật hiện trạng khai thác, trữ lượng khai thác con lại. Xác định tuổi thọ của dự án (bao gồm thời gian xây dựng cơ bản và thời gian khai thác) trên cơ sở trữ lượng có thể khai thác và công suất theo thiết kế,	chuyên đề	1	9.000.000	9.000.000	
1.4	Xây dựng các chuyên đề về Mỏ vỉa và trình tự khai thác: Phân tích, lựa chọn các phương án mở vỉa, vị trí các hạng mục công trình phù hợp với điều kiện kỹ thuật, địa chất, hiện trạng khai thác khu mỏ. Phân tích, lựa chọn hướng khai thác, trình tự khai thác, lập lịch khai thác của mỏ	chuyên đề	1	9.000.000	9.000.000	
1.5	Xây dựng chuyên đề về Hệ thống khai thác, công nghệ khai thác : Phân tích, lựa chọn hệ thống khai thác phù hợp với điều kiện địa chất, phương án mở vỉa, hiện trạng khu vực mỏ. Từ đó tính toán đồng bộ thiết bị các khâu khai thác như khoan nổ mìn, xúc bốc, vận tải, thải đá... Lựa chọn chủng loại, năng suất và số lượng các loại thiết bị theo phương án chọn.	chuyên đề	1	9.000.000	9.000.000	

1.6	Xây dựng chuyên đề về Vận tải trong mỏ: xác định khối lượng vận tải khoáng sản, đất đá bóc. Tính toán phân tích các phương án, lựa chọn hệ các thông số hệ thống đường vận tải trong mỏ	chuyên đề	1	9.000.000	9.000.000	
1.7	Xây dựng chuyên đề về công tác thải đất đá và quặng đuôi: Tính toán khối lượng đất đá thải trong quá trình khai thác mỏ. Xác định vị trí, thông số và tính toán dung tích bãi thải. Phân tích, lựa chọn quy trình công nghệ và thiết bị phục vụ công tác thải đất đá. Tính toán khối lượng thải đất đá và quặng đuôi sau chế biến của khoáng sản. Lựa chọn, tính toán các thông số của hệ thống đê, đập bảo vệ bãi thải	chuyên đề	1	9.000.000	9.000.000	
1.8	Xây dựng chuyên đề về Thoát nước mỏ và bãi thải: Tính toán lượng nước mặt, nước ngầm chảy vào mỏ theo từng giai đoạn xây dựng cơ bản, khai thác và kết thúc khai thác. Tính toán lượng nước chảy vào bãi thải. Trên cơ sở đó lựa chọn phương án thoát nước và tính toán, lựa chọn các thông số hệ thống thoát nước cho mỏ và bãi thải	chuyên đề	1	9.000.000	9.000.000	
1.9	Xây dựng chuyên đề về Công tác chế biến khoáng sản: mô tả công nghệ, quy trình công nghệ, thiết bị được lựa chọn trong chế biến khoáng sản. Tính toán các thông số kỹ thuật và chỉ tiêu công nghệ tuyển, chế biến khoáng sản. Tính toán khối lượng, chất lượng của các loại sản phẩm sau chế biến/. Lập bảng cân bằng sản phẩm bao gồm: sản phẩm chính, sản phẩm đi kèm, khối lượng đất đá thải, quặng đuôi.	chuyên đề	1	9.000.000	9.000.000	
1.10	Xây dựng chuyên đề về Sửa chữa cơ điện và kho tàng: Lựa chọn, phân tích chế độ làm việc của các hạng mục sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị. Tính toán nhu cầu, quy mô và liệt kê thiết bị cần thiết cho các phân xưởng. Lựa chọn quy cách, kết cấu, số lượng của các kho vật tư, hàng hóa dùng cụ.	chuyên đề	1	9.000.000	9.000.000	
1.11	Xây dựng chuyên đề về Sửa chữa cơ điện và kho tàng: Lựa chọn, phân tích chế độ làm việc của các hạng mục sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị. Tính toán nhu cầu, quy mô và liệt kê thiết bị cần thiết cho các phân xưởng. Lựa chọn quy cách, kết cấu, số lượng của các kho vật tư, hàng hóa dùng cụ.	chuyên đề	1	9.000.000	9.000.000	
1.12	Xây dựng chuyên đề về Cung cấp điện và trang bị điện: tính toán nhu cầu sử dụng điện của các hộ tiêu thụ, các phụ tải điện, thiết kế giải pháp cung cấp điện cho toàn dự án và các hộ tiêu thụ chính. Tính toán các chỉ tiêu về cung cấp điện, tính toán trang thiết bị, vật liệu cho toàn bộ hệ thống cung cấp điện	chuyên đề	1	9.000.000	9.000.000	
1.13	Xây dựng chuyên đề về Thông tin liên lạc và tự động hóa: lựa chọn giải pháp thông tin liên lạc quản lý và điều hành sản xuất, thiết bị, vật liệu của hệ thống thông tin liên lạc quản lý và điều hành sản xuất. Phân tích, xác định khâu công nghệ thiết kế hệ thống điều khiển tự động. Lựa chọn giải pháp công nghệ và thiết bị tự động hóa, thiết bị, vật liệu của hệ thống tự động hóa.	chuyên đề	1	9.000.000	9.000.000	
1.14	Xây dựng chuyên đề về Kiến trúc và xây dựng: Xác định quy mô các công trình thuộc dây chuyền công nghệ và các công trình phục vụ khai thác mỏ, thiết kế phương án kiến trúc các công trình xây dựng và kết cấu chính của công trình xây dựng.	chuyên đề	1	9.000.000	9.000.000	

1.15	Xây dựng chuyên đề về Cung cấp nước, thải nước và cấp nhiệt: Xác định nhu cầu của các hộ sử dụng nước và tiêu chuẩn nước cung cấp: Nước sử dụng cho sinh hoạt, nước cho sản xuất, lựa chọn nguồn cung cấp nước cho khu vực và toàn bộ dự án. Thiết kế giải pháp cấp nước sinh hoạt, sản xuất, chữa cháy, tính toán thiết bị, công trình xây dựng cho toàn bộ hệ thống cấp nước. Thiết kế giải pháp xử lý và thải nước ra môi trường.	chuyên đề	1	9.000.000	9.000.000
1.15	Xây dựng chuyên đề về Tổng mặt bằng và vận tải ngoài mô: Xây dựng chi tiết phương án bố trí tổng mặt bằng mô, bố trí hệ thống công trình bảo vệ mặt bằng, hệ thống thoát nước mặt bằng, đường nội bộ, sân bãi, phương án kết nối với hệ thống giao thông chính trong khu vực. Tổng hợp khối lượng vận tải ngoài mô như cung ứng hàng hóa, vật tư, vật liệu, vận chuyển khoáng sản đi tiêu thụ, chế biến	chuyên đề	1	9.000.000	9.000.000
1.16	Xây dựng chuyên đề về Tổ chức xây dựng: Thiết lập tổ chức xây dựng các hạng mục công trình trên mặt mô, thiết bị và nhân lực thi công xây lắp, cung cấp vật liệu xây dựng, nguồn cung cấp điện, nước, xây dựng chi tiết thời gian và lịch trình thi công xây dựng.	chuyên đề	1	9.000.000	9.000.000
1.17	Xây dựng chuyên đề về Kỹ thuật an toàn: Xây dựng giải pháp an toàn trong khai thác mỏ, an toàn trong chế biến khoáng sản và phòng chống cháy, nổ	chuyên đề	1	9.000.000	9.000.000
1.18	Xây dựng chuyên đề về Bảo vệ, cải tạo phục hồi môi trường: Liệt kê số lượng, quy cách, kết cấu công trình bảo vệ môi trường và công trình cải tạo phục hồi môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo phục hồi môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nêu các giải pháp thi công các công trình, tính toán các thông số kỹ thuật của công trình/ hạng mục công trình.	chuyên đề	1	9.000.000	9.000.000
1.19	Xây dựng chuyên đề về Tổ chức quản lý sản xuất và bố trí lao động: Chuyên đề xây dựng mô hình quản lý sản xuất, tổ chức các bộ phận sản xuất, xây dựng biên chế lao động trong các khâu công nghệ. Tính toán năng suất lao động của sản xuất chính và của toàn dự án	chuyên đề	1	9.000.000	9.000.000
2	Xây dựng các bản đồ thiết kế khai thác mỏ (KS bậc 4/8 thực hiện)				45.799.296
2.1	Phần địa chất				
	Biên tập bản đồ vị trí mô: 1 bản vẽ	công	3	372.352	1.117.056
	Biên tập bản đồ địa hình khu mô: 1 bản vẽ	công	3	372.352	1.117.056
	Biên tập bản đồ hiện trạng khu mô: 1 bản vẽ	công	3	372.352	1.117.056
-	Biên tập bình đồ tính trữ lượng khoáng sản các thân khoáng: 1 bản vẽ	công	3	372.352	1.117.056
-	Biên tập các mặt cắt địa chất đặc trưng: 1 bản vẽ	công	3	372.352	1.117.056
2.2	Phần khai thác				
-	Xây dựng bản đồ mỏ vỉa năm thứ nhất: 1 bản vẽ	công	3	372.352	1.117.056
-	Xây dựng bản đồ kết thúc xây dựng cơ bản: 1 bản vẽ	công	3	372.352	1.117.056
-	Xây dựng bản đồ khai thác, đồ thái năm 1: 1 bản vẽ	công	3	372.352	1.117.056
-	Xây dựng bản đồ khai thác, đồ thái năm 2 tới năm 5: 4 bản vẽ	công	12	372.352	4.468.224
-	Xây dựng bản đồ khai thác, đồ thái năm 10, 15, 20, 25, 30: 5 bản vẽ	công	15	372.352	5.585.280
-	Xây dựng bản đồ kết thúc khai thác, đồ thái: 1 bản vẽ	công	3	372.352	1.117.056
-	Xây dựng Bản vẽ sơ đồ hệ thống khai thác và khoan nổ mìn: 1 bản vẽ	công	3	372.352	1.117.056
2.3	Phần chế biến khoáng sản				
-	Xây dựng sơ đồ nguyên lý dây chuyền chế biến khoáng sản: 1 bản vẽ	công	3	372.352	1.117.056
2.4	Phần cơ khí, vận tải				
-	Xây dựng sơ đồ nguyên lý cung cấp khí nén: 1 bản vẽ	công	3	372.352	1.117.056
-	Xây dựng bình đồ, trắc dọc, trắc ngang của các tuyến đường trong mô: 3 bản vẽ	công	9	372.352	3.351.168

2.5	Phần thoát nước mỏ, cấp nước và thải nước					
-	Xây dựng Sơ đồ thoát nước mỏ các năm xây dựng cơ bản, đạt công suất thiết kế, các năm khai thác 5,10,15,20, kết thúc khai thác: 7 bản vẽ	công	21	372.352	7.819.392	
-	Xây dựng Sơ đồ nguyên lý cấp nước và thải nước : 1 bản vẽ	công	3	372.352	1.117.056	
2.6	Phần xây dựng					
-	Xây dựng Bản vẽ mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt, chi tiết móng các công trình xây dựng: 3 bản vẽ	công	9	372.352	3.351.168	
2.7	Phần cung cấp điện, thông tin liên lạc và tự động hóa					
-	Xây dựng Sơ đồ nguyên lý cung cấp điện cho mỏ: 1 bản vẽ	công	3	372.352	1.117.056	
-	Xây dựng Sơ đồ nguyên lý (sơ đồ khối) hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống tự động hóa: 1 bản vẽ.	công	3	372.352	1.117.056	
2.8	Phần mặt bằng					
-	Xây dựng Bản đồ mặt bằng sản công nghiệp mỏ: 1 bản vẽ	công	3	372.352	1.117.056	
-	Xây dựng Bản đồ tổng mặt bằng mỏ: 1 bản vẽ	công	3	372.352	1.117.056	
2.9	Phần bảo vệ môi trường					
-	Xây dựng Bản đồ khôi phục môi trường khu vực bãi thải theo từng giai đoạn: 1 bản vẽ	công	3	372.352	1.117.056	
-	Xây dựng Bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác: 1 bản vẽ	công	3	372.352	1.117.056	
3	Lập dự toán xây dựng công trình				28.000.000	
-	Xây dựng chuyên đề: Tổng hợp các cứ pháp lý và cơ sở lập dự toán, bóc tách khối lượng	chuyên đề	1	10.000.000	10.000.000	
-	Xây dựng chuyên đề: Lập dự toán công trình	chuyên đề	1	18.000.000	18.000.000	
III	CHI PHÍ KHÁC				11.200.000	
1	In ấn và đóng quyển thuyết minh	Quyển	7	400.000	2.800.000	Giá trị trường
2	In ấn bản vẽ	Bộ bản vẽ	7	1.200.000	8.400.000	
IV	TỔNG DỰ TOÁN TRƯỚC THUẾ (E= I + II + III)				287.467.520	
V	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG - VAT (F = 10% x IV)			10%	28.746.752	
VI	GIÁ TRỊ SAU THUẾ (G = IV + V)				316.214.272	
	Làm tròn				316.000.000	
(Bảng chữ: Ba trăm mười sáu triệu đồng)						

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 02/PLHĐ/2024/HĐ-KSAT

(Kèm theo hợp đồng kinh tế số 05/2021/HĐ-KSAT)

Cơ sở pháp lý

- Căn cứ hợp đồng kinh tế số: 05/2021/HĐ-KSAT và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/2021/HĐ-KSAT ký ngày 21 tháng 01 năm 2021 giữa Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản An Thông và Trung tâm triển khai công nghệ Khoáng chất - Trường Đại học Mỏ Địa chất về việc “Lập thiết kế kỹ thuật thi công điều chỉnh khai thác mỏ quặng sắt Sàng Thần thuộc xã Minh Sơn, tỉnh Hà Giang”;

- Căn cứ vào nhu cầu của Công ty Cổ phần đầu tư khoáng sản An Thông và năng lực hành nghề của Trung tâm triển khai công nghệ khoáng chất – Trường Đại học Mỏ Địa Chất;

Hôm nay, ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại văn phòng Công ty Cổ phần đầu tư khoáng sản An Thông, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN AN THÔNG

Đại diện: Ông **Phạm Quốc Vinh**

Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 415, đường Trần Phú, phường Trần Phú, Tp Hà Giang.

Điện thoại: 02193.864.898

Fax: 02193.864.899

Tài khoản số: 34510000008919 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Giang.

Mã số thuế: 5100232444.

BÊN B: TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ KHOÁNG CHẤT - TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

Đại diện: Ông **Tô Xuân Bản**

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Tầng 1, nhà B, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 02437.523.043

Tài khoản số: 3100211000523 tại ngân hàng Nông nghiệp & PTNT (Agribank), chi nhánh Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0100763608.

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG VỚI CÁC NỘI DUNG NHƯ SAU :

Điều 5 được điều chỉnh như sau:

5.1. Tiến độ tạm ứng, thanh toán:



- **Đợt 1:** Trong vòng 07 ngày kể từ khi hợp đồng được ký kết, Bên A chuyển tạm ứng cho Bên B 30% giá trị Hợp đồng, tương ứng là **94.800.000đ (Chín mươi tư triệu, tám trăm nghìn đồng)**.

Hồ sơ đề nghị tạm ứng: Công văn đề nghị tạm ứng của Bên B.

- **Đợt 2:** Bên B bàn giao đủ hồ sơ Thiết kế mở cho Bên A để bên A trình xin ý kiến thẩm định tại cơ quan chức năng có thẩm quyền. Bên A chuyển tạm ứng tiếp cho Bên B 30% giá trị Hợp đồng, tương ứng là **94.800.000đ (Chín mươi tư triệu, tám trăm nghìn đồng)**.

Hồ sơ đề nghị thanh toán:

+ Văn bản đề nghị tạm ứng lần 2 của bên B.

+ Phiếu tiếp nhận hồ sơ của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Căn cứ vào khối lượng công việc Bên B đã thực hiện và bàn giao Hồ sơ thiết kế mở. Bên B tiến hành xuất hoá đơn tương ứng với công việc đã thực hiện, với tổng số tiền đã tạm ứng bao gồm thuế VAT là: **189.600.000đ (Một trăm tám mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng)**.

- **Đợt 3:** Sau khi có Thông báo kết quả thẩm định (hoặc ý kiến thẩm định) của Sở công thương tỉnh Hà Giang, Bên B chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến thẩm định, hoàn thành các công việc theo hợp đồng. Bên B bàn giao sản phẩm hợp đồng theo quy định tại Điều 3 (mục 3.3.) của hợp đồng cho bên A thì tiếp tục tiến hành các công việc sau:

+ Hai bên lập Biên bản nghiệm thu (nơi nghiệm thu là văn phòng Công ty Cổ phần đầu tư khoáng sản An Thông) và thanh lý hợp đồng;

+ Bên B viết hoá đơn VAT hợp lệ theo quy định của Bộ Tài chính với số tiền tương ứng giá trị còn lại của hợp đồng chuyển trả cho Bên A;

+ Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hoá đơn VAT của Bên B nêu ở trên, Bên A chuyển số tiền còn lại cho Bên B là 40% giá trị hợp đồng, tương ứng là **126.400.000đ (Một trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng)**.

5.2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

5.3. Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam

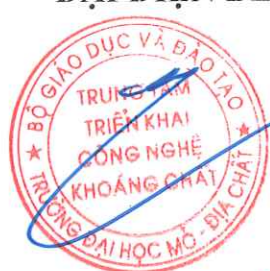
Phụ lục này là một phần không thể tách rời của hợp đồng số 05/2021/HĐ-KSAT và phụ lục 01/PLHĐ/2021/HĐ-KSAT ký ngày 21/01/2021.

Mọi điều khoản khác không quy định trong phụ lục này được tuân theo Hợp đồng kinh tế số 05/2021/HĐ-KSAT và phụ lục 01/PLHĐ/2021/HĐ-KSAT ký ngày 21/01/2021.

Phụ lục hợp đồng được lập thành 06 bản, có nội dung và giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A 

GIÁM ĐỐC
Phạm Quốc Vinh

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
TS Tô Xuân Bản



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO VÀ XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH

V/v: Lập Thiết kế kỹ thuật thi công điều chỉnh khai thác mỏ quặng sắt Sàng Thần thuộc xã Minh Sơn, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

Cơ sở pháp lý

- Căn cứ hợp đồng kinh tế số: 05/2021/HĐ-KSAT và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/2021/HĐ-KSAT ký ngày 21 tháng 01 năm 2021; Phụ lục hợp đồng số 02/2024/PLHĐ-KSAT ký ngày 24 tháng 12 năm 2024 giữa Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản An Thông và Trung tâm triển khai công nghệ Khoáng chất - Trường Đại học Mỏ Địa chất về việc “Lập thiết kế kỹ thuật thi công điều chỉnh khai thác mỏ quặng sắt Sàng Thần thuộc xã Minh Sơn, tỉnh Hà Giang”;

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại văn phòng Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản An Thông, chúng tôi gồm:

Bên nhận bàn giao (Bên A): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN AN THÔNG

Đại diện: Ông **Phạm Quốc Vinh** Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 415, đường Trần Phú, phường Trần Phú, Tp Hà Giang.

Điện thoại: 02193.864.898 Fax: 02193.864.899

Bên bàn giao (Bên B): TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ KHOÁNG CHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

Đại diện: Ông **Tô Xuân Bản** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Tầng 1, nhà B, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 02437.523.043

HAI BÊN THỎA THUẬN XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH VÀ BÀN GIAO TÀI LIỆU VỚI CÁC NỘI DUNG NHƯ SAU :

Bên B đã hoàn thành việc lập Thiết kế kỹ thuật thi công điều chỉnh khai thác mỏ quặng sắt Sàng Thần thuộc xã Minh Sơn, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang theo yêu cầu của bên A. Sau khi bên A Kiểm tra đã xác nhận khối lượng do bên B thực hiện đạt yêu cầu. Bên B tiến hành bàn giao cho bên A các tài liệu như sau:

- 03 bộ hồ sơ gồm thuyết minh và các bản vẽ kèm theo của Thiết kế bản vẽ thi công điều chỉnh dự án đầu tư khai thác và chế biến mỏ quặng sắt Sàng Thần thuộc xã Minh Sơn, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang

- 01 USB ghi hồ sơ, nội dung của dự án do bên B lập.

- Phiếu tiếp nhận hồ sơ của Sở Công thương tỉnh Hà Giang.



Biên bản này được lập thành sáu (06) bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ bốn (04) bản, Bên B giữ hai (02) bản để làm cơ sở thực hiện ./.



ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC
Phạm Quốc Vinh



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
TS Tô Xuân Bản

